

UBND TỈNH QUẢNG NINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **2041** /SGDDĐT-TCCB
V/v thống kê trình độ giáo viên chưa
đạt chuẩn và nhu cầu nâng chuẩn

Quảng Ninh, ngày **05** tháng 8 năm 2020

Kính gửi:

- Các Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Các trường THCS&THPT: Quảng La, Hoàn Mô, Hải Đông, Đường Hoa Cương, Quan Lạn, Hòn Gai, Chu Văn An, Nguyễn Bình Khiêm, Văn Lang, Đoàn Thị Điểm, Yên Hưng; PT DTNT Tiên Yên.

Ngày 30/6/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 71/2020/NĐ-CP về việc quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của cán bộ quản lý, giáo viên (gọi chung là giáo viên) mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trong đó Điều 2 của Nghị định 71/2020/NĐ-CP quy định về Đối tượng thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo:

1. Giáo viên mầm non chưa có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên, tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 còn đủ 07 năm công tác (84 tháng) đến tuổi được nghỉ hưu theo quy định.

2. Giáo viên tiểu học chưa có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên tiểu học hoặc chưa có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm trở lên, tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 còn đủ 08 năm công tác (96 tháng) đối với giáo viên có trình độ trung cấp, còn đủ 07 năm công tác (84 tháng) đối với giáo viên có trình độ cao đẳng đến tuổi được nghỉ hưu theo quy định.

3. Giáo viên trung học cơ sở chưa có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên hoặc chưa có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm trở lên, tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 còn đủ 07 năm công tác (84 tháng) đến tuổi được nghỉ hưu theo quy định.

Để có cơ sở xây dựng Kế hoạch nâng trình độ chuẩn của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường THCS&THPT báo cáo theo biểu mẫu Phụ lục 2 các giáo viên có ngày tháng năm sinh từ sau mốc thời gian quy định tại Phụ lục 1.

Lưu ý:

- Lập danh sách giáo viên trường công lập và tư thục;
- Lập danh sách cả với giáo viên đã có giấy báo đi học hoặc đang đi học nâng trình độ đào tạo, điền thông tin vào cột ghi chú;

- Các trường liên cấp THCS&THPT có giáo viên THCS phải nâng chuẩn thì lập danh sách theo Phụ lục 2 gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo, không lập danh sách gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo.

Các biểu mẫu và danh sách gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 15/8/2020 (bản mềm gửi qua email phòng Tổ chức cán bộ). Vương mắc xin liên hệ ông Phạm Thái Sơn, Phó Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, điện thoại: 0934.635.858./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thúy



Phụ lục 1

Mốc thời gian để tính đối tượng cần nâng chuẩn

(Kèm theo Công văn số 2041 /SGDDT-TCCB ngày 05 /8/2020 của Sở GD&ĐT)

1. Giáo viên mầm non chưa có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên, tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 còn đủ 07 năm công tác (84 tháng) đến tuổi được nghỉ hưu theo quy định (mỗi năm, từ 2021 nam cộng thêm 3 tháng, nữ cộng thêm 4 tháng).

Mốc thời gian nữ: 01/3/1970

Mốc thời gian nam: 01/10/1965

2. Giáo viên tiểu học chưa có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên tiểu học hoặc chưa có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm trở lên, tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 còn đủ 08 năm công tác (96 tháng) đối với giáo viên có trình độ trung cấp, còn đủ 07 năm công tác (84 tháng) đối với giáo viên có trình độ cao đẳng đến tuổi được nghỉ hưu theo quy định (mỗi năm, từ 2021 nam cộng thêm 3 tháng, nữ cộng thêm 4 tháng).

2.1. Giáo viên có trình độ trung cấp

Mốc thời gian nữ: 01/11/1970

Mốc thời gian nam: 01/7/1966

2.2. Giáo viên có trình độ cao đẳng

Mốc thời gian nữ: 01/3/1970

Mốc thời gian nam: 01/10/1965

3. Giáo viên trung học cơ sở chưa có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên hoặc chưa có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm trở lên, tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 còn đủ 07 năm công tác (84 tháng) đến tuổi được nghỉ hưu theo quy định (mỗi năm, từ 2021 nam cộng thêm 3 tháng, nữ cộng thêm 4 tháng).

Mốc thời gian nữ: 01/3/1970

Mốc thời gian nam: 01/10/1965



Danh sách cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ Trung cấp, Cao đẳng cần nâng chuẩn

Kèm theo công văn số 2041/SGDDĐT-TCCB ngày 05/8/2020 của Sở GD&ĐT

| TT | Họ và tên | | Nam (Nữ) | Ngày sinh | Chức vụ | Đơn vị công tác | Huyện (TX, TP) | Trường công lập/tư thực | Chuyên môn | Bằng cấp | Nhu cầu nâng chuẩn | Ghi chú |
|-----|------------|---|----------|------------|----------------|-----------------|----------------|-------------------------|-------------|-----------|--------------------|---------------------|
| VD1 | Nguyễn Thị | A | Nữ | 03/4/1971 | Giáo viên | TH ABC | X | Công lập | GV văn hóa | Trung cấp | Đại học | |
| VD2 | Nguyễn Thị | B | Nữ | 03/4/1971 | Giáo viên | TH ABCD | Y | Tư thực | GV văn hóa | Trung cấp | Đại học | Đã có giấy nhập học |
| VD3 | Nguyễn Thị | C | Nữ | 05/03/1970 | P. Hiệu trưởng | THCS CDE | Z | Công lập | GV Văn - Sử | Cao đẳng | Đại học | Đang học |
| VD4 | Nguyễn Thị | D | Nữ | 12/4/1988 | Giáo viên | MN DEF | Z | Tư thực | GV văn hóa | Trung cấp | Cao đẳng | |
| ... | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |

Người lập biểu
Họ và tên, SĐT